

ĐẢNG BỘ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ  
ĐẢNG ỦY XÃ HẢI DƯƠNG  
\*  
Số 136 -BC/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hải Dương, ngày 08 tháng 5 năm 20

"NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ  
PHÁT HUY SỨC MẠNH KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN;  
HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
NHANH VÀ BỀN VỮNG; XÂY DỰNG XÃ HẢI DƯƠNG  
ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI"

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ**  
của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hải Dương khóa IX  
trình Đại hội Đảng bộ xã lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020

Đại hội Đảng bộ xã Hải Dương lần thứ X có ý nghĩa quan trọng, thể hiện chí, nguyện vọng và quyết tâm của toàn Đảng bộ, toàn dân, nhằm tiếp tục da mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; huy động m nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; xây dựng xã Hải Dương sớm đạt chuẩn nông thôn mới.

Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2010 - 2015; quyết định phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ 2015 - 2020; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành khóa IX, thảo luận góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện của Trung ương và thị xã; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa X và bầu Đoàn đại biểu Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ XIII.

**Phần thứ nhất**  
**KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**  
**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX, NHIỆM KỲ 2010-2015**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010-2015, bên cạnh những thuận lợi cơ bản cũng có không ít những khó khăn thách thức. Song dưới sự lãnh, chỉ đạo trực tiếp của Thị ủy, Đảng bộ và nhân dân xã nhà khắc phục vượt qua khó khăn, thử thách, tranh thủ thời cơ thuận lợi, đoàn kết lực phấn đấu thực hiện nghị quyết của Đại hội đạt được nhiều kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực.

**I. Về phát triển kinh tế**

**1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với kế hoạch 5 năm 2010 - 2015**  
được nhiều kết quả quan trọng

- Dự ước tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2015 là 13,58%, đạt 100,6% so với nghị quyết và tăng 4,01% so năm 2010, bình quân 5 năm đạt 13,20%.

- Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế: nông nghiệp 58,56%, dịch vụ 18,50%, tiểu thủ công nghiệp 22,93%.

- Ước tổng giá trị thu nhập từ các ngành năm 2015 đạt 105,08 tỷ đồng, tăng 108,8% so với năm 2010.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 18,54 triệu đồng, đạt 141,52% so với Nghị quyết, tăng 2,4 lần so với năm 2010.

- Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm là 250,24 tỷ đồng, đạt 23,57% so với Nghị quyết, tăng gấp 4,85 lần giai đoạn 2005 - 2010. Trong đó: ngân sách Nhà nước là 217,84 tỷ đồng, ngân sách xã 0,51 tỷ đồng, nguồn nhân dân, các tổ chức hỗ trợ là 31,88 tỷ đồng. Nhiều công trình quan trọng đã hoàn thành đưa vào sử dụng và đã phát huy hiệu quả như: đê kè chống xói lở bờ biển, giao thông nông thôn, trực đường chính xã, quy hoạch các khu tái định cư, hệ thống nước sạch, đê ngăn mặn, cơ sở vật chất các trường học và cơ sở hạ tầng trong nhân dân được phát triển đã làm tăng năng lực sản xuất.

## **2. Lĩnh vực nông nghiệp có bước phát triển toàn diện**

- Đánh bắt nuôi trồng thủy sản được chú trọng: Đảng ủy ban hành Nghị quyết số 12-NQ/ĐU, ngày 28/5/2011 về phát triển thủy sản giai đoạn 2011-2015; chính quyền đã xây dựng kế hoạch phát triển gắn với sự đồng tâm hiệp lực của nhân dân phát huy nội lực đầu tư mở rộng nghề, mô hình nuôi cá lồng, cải tiến ao hồ, vật nuôi như: mô hình nuôi xen ghép có năng suất chất lượng phù hợp với điều kiện địa bàn, diện tích cao triều từng bước đi vào sản xuất ổn định đem lại hiệu quả, thu hút lao động ngày càng nhiều. Năng lực sản xuất thủy sản đến năm 2015 có 254 tàu thuyền, với 2.800 mã lực; 575 lồng cá; 75,2 ha nuôi trồng thủy sản, trong đó nuôi cao triều 21,3 ha.

Năm 2015, tổng sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản ước đạt 1.163 tấn tăng 15,6 tấn so với năm 2010, sản lượng có giá trị kinh tế cao chiếm 15%; tổng sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản bình quân hàng năm đạt 1.151 tấn, đạt 63,49% so với Nghị quyết. Trong đó: khai thác 991,4 tấn, nuôi trồng 159,6 tấn. Diện tích nuôi có thu nhập từ 80 đến 100 triệu đồng/ha/năm chiếm 26,9% tổng diện tích. Đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chủ trương sáp xếp nò, sáo, quy hoạch chi tiết nuôi trồng, khảo sát, xác định tiến đến sáp xếp báy, rót, khơi thông luồng lạch.

- Chế biến: Duy trì sản xuất theo hộ gia đình với sản lượng hàng năm từ 200 đến 250 tấn để cung cấp ra thị trường một lượng tương đối như: mắm, nước mắm, ruốc. Đặc biệt sau khi đăng ký thương hiệu sản phẩm mắm, nước mắm Làng Dừa đã được các chủ sản xuất chế biến thích nghi và đầy mạnh nâng cao chất lượng, mẫu mã, thương hiệu tạo niềm tin chất lượng đối với người sử dụng.

- Đã chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng có năng suất cao, không ngừng ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, xử lý kịp thời và cung cấp nước cho vụ Hè Thu. Tổng diện tích gieo trồng hàng năm đạt 81.88 ha, tăng 6.88 ha so với Nghị quyết Đại hội, cơ cấu giống lúa cấp 1 đạt 90%. Năng suất lúa bình quân hàng năm đạt 51,06 tạ/ha, đạt 92,84%. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt hàng

năm đạt 355,55 tấn/330 tấn, tăng 25,55 tấn. Tổng sản lượng quy thóc năm 2015 ước đạt 427 tấn, tăng 97 tấn so với năm 2010.

- Đã tiến hành tiếp nhận bàn giao 55,5 ha/189,2 ha rừng theo dự án 661 cho địa phương quản lý, tổ chức bảo vệ có hiệu quả, trồng dặm 20,5 ha keo lá tràm, nâng độ che phủ rừng 19,43%.

- Ngày càng phát triển về vật nuôi, phương thức nuôi từng bước cải tiến, tỷ lệ hộ nuôi đàn ngày càng tăng, đã làm tốt việc nâng cao tay nghề, kỹ thuật phòng ngừa dịch bệnh; đã tăng cường công tác tiêm phòng, kiểm tra phòng dịch của các cơ sở chăn nuôi. Năm 2015, đàn lợn có 1.600 con, đàn gia cầm 26.000 con, đàn bò 300 con. Kết quả chăn nuôi đã mang lại hiệu quả kinh tế và thu nhập cho người dân tương đối khá.

Tổng giá trị thu nhập từ ngành nông nghiệp năm 2015 ước đạt 61,53 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng giá trị của ngành nông nghiệp năm 2015 ước đạt 10,20%; tăng trưởng bình quân 12,65%/năm, chiếm tỷ trọng 59,55%.

### **3. Dịch vụ thương mại có bước phát triển đáng kể**

Sau khi cầu Tam Giang, đê kè biển hoàn thành đưa vào sử dụng, gắn liền cảnh quan môi trường và hệ thống giao thông ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dịch vụ phát triển đồng đều trên địa bàn như: dịch vụ vận tải, vật tư phục vụ trồng trọt, nuôi trồng, chăn nuôi, xây dựng, dịch vụ thương mại, du lịch tắm biển... thu hút lượng khách hàng năm đều tăng, các hoạt động buôn bán kinh doanh phát triển. Tốc độ tăng trưởng giá trị của ngành dịch vụ năm 2015 đạt 20,80 %, bình quân đạt 5,25%/năm chiếm tỷ trọng 19,22%. Tổng giá trị thu nhập ngành dịch vụ bình quân hàng năm đạt 19,45 tỷ đồng.

### **4. Tiểu thủ công nghiệp được quan tâm chú trọng**

Đã tập trung lãnh đạo phát triển các ngành nghề thu hút được nhiều lao động tham gia và nhiều cơ sở đã đầu tư mở rộng quy mô, cải tiến máy móc thiết bị và huy động được các nguồn lực vào sản xuất như: chế biến, may mặc, chàm nón, mộc, nề, cơ sở gia công gia dụng; từ đó đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từng bước giải quyết việc làm cho lao động ở địa phương, nâng cao thu nhập cho người dân. Tổng giá trị thu nhập từ ngành tiểu thủ công nghiệp hàng năm đạt 24,09 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành tiểu thủ công nghiệp năm 2015 đạt 17,08 %, bình quân đạt 25,80%/năm, chiếm tỷ trọng 21,23%.

### **5. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường được quan tâm**

Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 - 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2010 - 2015, quy hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, khu tái định cư 3, mở rộng đất các trường học, quy hoạch đất ở...; trong quy hoạch đã gắn với công tác bảo vệ môi trường; đã tập trung huy động hơn 5.000 ngày công tham gia chống xói lở bờ biển, mở rộng địa bàn thu gom rác thải, tỷ lệ hộ dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ hộ dùng nước sạch đạt 86,13%, nước hợp vệ sinh 13,87%; tăng cường quản lý tài nguyên trên địa bàn, xử lý các trường hợp vi phạm lấn chiếm đất đai.

Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các loại được đẩy mạnh; đến năm 2014 đất ở đạt 97,88%, đất nông nghiệp đạt 100%, đất nuôi trồng thủy

sản đạt 88,47%, đất cơ quan hành chính sự nghiệp đạt 100%, đất tín ngưỡng đạt 100 %, đất tôn giáo đạt 36%.

### **6. Hoạt động tài chính ngân sách từng bước được chú trọng**

Công tác thu ngân sách địa phương và quản lý tài chính có nhiều tiến bộ bao đảm quy định, hướng dẫn cấp trên. Tổng thu ngân sách 5 năm đạt 585 triệu đồng/950 triệu đồng, tăng 299,8% so với năm 2010, đạt 61,50% so với Nghị quyết. Hoạt động tín dụng có nhiều chuyển biến, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả các nguồn vốn vay, tổng dư nợ ước đến tháng 4/2015 là 13,50 tỷ đồng, bao đảm nhu cầu phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn.

### **7. Các thành phần kinh tế có những chuyển biến tích cực**

Đã duy trì, ổn định hoạt động của 2 HTX nông nghiệp và 3 chi hội nghề cá; không ngừng tập trung xây dựng quan hệ sản xuất trong tổ nhóm, hộ gia đình theo các mô hình phát triển sản xuất liên kết trên địa bàn ngày càng đa dạng, các loại sản phẩm, hàng hóa ngày càng có chất lượng cao, đổi tượng tham gia phát triển các ngành nghề ngày càng đông như: trồng trọt, nuôi trồng, chăn nuôi gắn kết các dịch vụ hậu cần phục vụ sản xuất.

### **8. Công tác xây dựng nông thôn mới gắn với kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước được đầu tư**

Thông qua quy hoạch và đề án triển khai xây dựng chương trình nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, tập trung phát huy nội lực của toàn Đảng bộ, toàn dân cùng tham gia thực hiện, qua 03 năm triển khai chương trình đã tạo được sự đồng thuận trong xã hội, phát huy nội lực, ra sức chung tay xây dựng nông thôn mới. Từ chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án đã đẩy nhanh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, dự ước đến năm 2015 tổng vốn xây dựng cơ bản trên địa bàn đạt 60 tỷ đồng. Dự ước đến năm 2015 đạt 15/19 tiêu chí.

### **9. Việc phát triển kinh tế theo địa bàn được coi trọng**

Đã tập trung lãnh đạo, xây dựng phát triển từng địa bàn một cách hài hòa, đem lại những kết quả đáng kể, tạo niềm tin để nhân dân yên tâm sản xuất, vừa là cơ sở để kêu gọi vốn đầu tư và từng bước ổn định phát triển, cụ thể:

+ Địa bàn Thai Dương Hạ: Đã tập trung khai thác tiềm năng biển, sông đầm và nuôi trồng thủy sản ổn định, phát triển đánh bắt nghề lồng, bãi ngang, đồng thời ổn định những phương tiện có công suất từ 50 đến 90 mã lực, làm động lực, tiền đề cho thực hiện sắm mới tàu xa bờ theo Nghị định 67/2014 của Chính phủ. Trong đánh bắt sông đầm và nuôi trồng, hoàn chỉnh quy hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản, giải tỏa nò sáo, bảo đảm môi trường, khơi thông luồng lạch, tiến hành giao mặt nước cho nhân dân tự quản lý và bố trí sản xuất gắn với bảo vệ môi trường; chế biến chủ trọng xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm ra thị trường; chăn nuôi, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp phát triển được đồng đều, hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ tạo điều kiện sản xuất phát triển.

+ Địa bàn Thai Dương Thượng và Vĩnh Trị: là địa bàn có thế mạnh nông nghiệp toàn diện. Trong 5 năm qua tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi,

trong trồng trọt từ 60 ha lúa 1 vụ nay lên 84 ha; tích cực phát triển trồng rau, màu, cây công nghiệp đem lại thu nhập cao. Không ngừng đổi mới phương thức nuôi xen canh của 2 khu cao triều ngày càng có hiệu quả, mô hình nuôi được cải tiến từ nuôi truyền thống sang nuôi có kỹ thuật; dịch vụ cung ứng vật tư được tăng cường phục vụ tốt hơn cho trồng trọt, nuôi trồng và chăn nuôi; các ngành nghề được phát triển toàn diện, các dịch vụ thương mại có bước phát triển đáng kể. Giao thông đi lại thuận lợi, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện.

#### \* *Khuyết điểm, hạn chế*

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa đúng hướng, chưa khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, tốc độ hiệu quả chưa cao, sản xuất chưa gắn với bảo vệ môi trường. Hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp còn nhiều lúng túng, việc chuyển đổi hợp tác xã theo Luật còn chậm.

Dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp chậm triển khai chưa phát huy các tiềm năng, thế mạnh của địa phương; phát triển ngành nghề, dịch vụ chưa được tập trung; chất lượng hàng hóa, sức cạnh tranh của sản phẩm chưa mạnh; các dịch vụ khác chủ yếu gia công, trung gian là chính, chưa chú ý đến việc liên doanh, liên kết để phát huy tính chủ động, sức sản xuất. Đầu tư phát triển các làng nghề, ngành nghề và đào tạo nghề, giải quyết việc làm còn nhiều lúng túng, thiếu kế hoạch thực hiện cụ thể, chưa phát huy sức dân để đầu tư phát triển, nhân rộng các ngành nghề, mô hình và sử dụng sức lao động trong nhân dân.

Hiệu quả khai thác đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ chưa mạnh, chưa tương xứng tiềm năng sẵn có của địa phương; huy động nguồn lực trong nhân dân và chuyển đổi ngành nghề lao động còn nhiều lúng túng. Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vẫn còn hạn chế nhất định, nhất là việc phân công nhiệm vụ, sự tham gia thực hiện của cả hệ thống chính trị chưa được đồng bộ, vai trò nhân dân là chủ thể chưa được khai thác, huy động nguồn lực trong nhân dân còn hạn chế.

Công tác quản lý đất đai tài nguyên còn nhiều lỏng lẻo, tình trạng lấn chiếm, mua bán, xây dựng trái phép vẫn còn phổ biến nhưng giải quyết chưa dứt điểm, xử lý vi phạm thiếu kiên quyết, công tác bảo vệ tài nguyên môi trường còn nhiều lúng túng:

Thu ngân sách chưa đạt kế hoạch đề ra, chưa quan tâm bồi dưỡng nguồn thu, còn lúng túng trong tổ chức thực hiện thu cấp quyền sử dụng đất.

Đầu tư kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, dàn trải thiếu tập trung nhất là đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

## **II. Nâng cao các hoạt động văn hóa - xã hội**

### **1. Giáo dục và Đào tạo có chuyển biến tích cực**

Qui mô trường lớp tiếp tục ổn định, huy động số lượng đến lớp hàng năm đạt kế hoạch đề ra; chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng tăng; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ

5 tuổi, tỷ lệ huy động THCS 99,03%, tiểu học 100%, mẫu giáo trên 80% (trong đó trẻ 5 tuổi đạt 100%). Cơ sở vật chất được tăng cường, quan tâm đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, công tác khuyến học, khuyến tài đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng dần dần đi vào nền nếp, đã tổ chức được nhiều lớp học trên các lĩnh vực như: triển khai nghị quyết của Đảng, phổ biến pháp luật, tập huấn các chương trình, dự án về phát triển kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao trình độ dân trí.

## **2. Văn hóa - thông tin, thể dục thể thao từng bước được quan tâm**

Tiến hành tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Kịp thời tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao từng bước được quan tâm, các lễ hội truyền thống được bảo tồn phát huy. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" được triển khai thực hiện đem lại kết quả tích cực, có nhiều biện pháp tổ chức thực hiện quy ước văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Có 100% làng, cơ quan văn hóa và 91% gia đình đạt chuẩn văn hóa. Hệ thống các thiết chế văn hóa được đầu tư, tôn tạo và nâng cấp, toàn xã có 03/6 nhà sinh hoạt cộng đồng chiếm tỉ lệ 50%.

## **3. Công tác y tế - dân số - gia đình và trẻ em được chú trọng**

Tiến hành tổng kết 10 năm Chỉ thị 06-CT/BBT về "Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở". Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm; đội ngũ y bác sĩ đủ số lượng và nâng cao chất lượng, trang thiết bị y tế được tăng cường. Thực hiện tốt công tác phòng ngừa, không để dịch bệnh xảy ra. Tổng số người tham gia các loại hình BHYT đạt 70%, tăng 11,4% so năm 2010. Tăng cường truyền thông lồng ghép dịch vụ chăm sóc SKSS-KHHGĐ vùng ven biển, đầm phá. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên còn 0,85%, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn 16,18% giảm 1,3% so năm 2010; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 9,2%. Giữ vững xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

## **4. Chính sách an sinh - xã hội được quan tâm đẩy mạnh**

Thực hiện có hiệu quả công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho gia đình chính sách; gia đình có công với cách mạng, các đối tượng xã hội. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 54%, vay vốn ưu đãi phát triển sản xuất kinh doanh ngày càng được nâng lên, 77,8% lao động có việc làm ổn định; tỷ lệ hộ nghèo còn 6,81%, giảm 4,2% so với năm 2010, xây dựng sửa chữa 3 nhà tình nghĩa và 15 nhà hộ nghèo; tổng dư nợ 13,5 tỷ đồng và tổng nguồn vốn được hưởng lợi từ chính sách an sinh xã hội 5 năm qua là 14 tỷ đồng.

Không ngừng đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao vai trò trách nhiệm của cộng đồng; đã tích cực phòng chống ngăn ngừa có hiệu quả, hạn chế xảy ra các tai tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình trên địa bàn.

## **5. Việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống từng bước được triển khai**

Đã quan tâm lãnh, chỉ đạo đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào ứng dụng trong sản xuất và đời sống, chú trọng một số lĩnh vực như nuôi trồng thủy sản, y tế, giáo dục, cải cách hành chính đem lại hiệu quả.

Quản lý công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, từng bước giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc.

#### \* ***Khuyết điểm và hạn chế***

Chưa xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.

Hoạt động của Đài truyền thanh, trung tâm học tập cộng đồng hiệu quả còn thấp, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động thể dục, thể thao còn ít.

Công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát, kiểm dịch VSATTP, thực hiện công tác y tế dự phòng còn hạn chế, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, tỷ lệ hộ nghèo còn ở mức cao, ứng dụng KHCN vào quản lý và sản xuất còn hạn chế.

### **III. Công tác Quốc phòng - An ninh**

Quốc phòng - an ninh tiếp tục được giữ vững, tình hình chính trị ổn định góp phần phát triển kinh tế, xã hội. Luôn coi trọng gắn chặt thế trận QPTD với thế trận ANND, kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm QPAN, tập trung xây dựng lực lượng quân sự, công an vững về chính trị, tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, thực hiện có hiệu quả trong công tác phối kết hợp các lực lượng; phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được quan tâm.

**1. Công tác quân sự địa phương được tăng cường**, hoàn thành tốt công tác tuyển quân hàng năm; thực hiện tốt công tác diễn tập, huấn luyện, hội thi, hội thao; kịp thời xây dựng bổ sung các kế hoạch phương án tác chiến trị an, xây dựng xã an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

**2. Tình hình ANCT - TTATXH được giữ vững**, chủ động nắm bắt, chỉ đạo, xử lý tình hình không để xảy ra đột biến, bất ngờ. Hàng năm có 100% thôn, cơ quan đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự, đã chủ động trong công tác phòng ngừa đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

#### \* ***Khuyết điểm, hạn chế***

Nhận thức về công tác quốc phòng - an ninh trong tình hình hiện nay của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế, việc nâng cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch thiếu thường xuyên.

Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc và xây dựng lực lượng Công an, Quân sự chưa đủ mạnh.

Tổ chức thực hiện các biện pháp giáo dục, cảm hóa, phòng ngừa, đấu tranh còn nhiều hạn chế, công tác phối kết hợp, hợp đồng tác chiến trong các lực lượng thiểu đồng bộ.

### **IV. Về xây dựng chính quyền**

Hoạt động của HĐND có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng các kỳ họp được nâng lên, việc cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng ủy được triển khai thực hiện có hiệu quả, vai trò giám sát của HĐND được đề cao, trách nhiệm đại biểu dân cử ngày càng thể hiện rõ hơn đối với công việc, đối với nhân dân và cử tri.

Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã được chú trọng trên các lĩnh vực đời sống xã hội, giải quyết được nhiều vấn đề có tính bức xúc, nỗi cộm và nhiệm vụ trọng tâm về kinh tế xã hội có hiệu quả. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, ý thức chấp hành, tôn trọng và thực hiện pháp luật trong cán bộ đảng viên và nhân dân, giáo dục để cao trách nhiệm "*Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*" được tăng cường.

Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, thái độ phục vụ và lề lối làm việc, thực hiện đồng bộ công tác cải cách hành chính một cửa, coi trọng công tác thẩm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Việc tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại của nhân dân kịp thời, đúng trình tự thủ tục, quy chế dân chủ ở cơ sở đã được triển khai thực hiện nghiêm túc. Hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền từng bước được nâng cao.

#### \* *Khuyết điểm, hạn chế*

Công tác chỉ đạo, điều hành về phát triển kinh tế thiếu kiên quyết, hiệu quả chưa cao, việc quản lý về đất đai, tài nguyên còn nhiều lỏng lẻo, điều hành ngang sách còn nhiều lúng túng, giải pháp huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng nông thôn mới thiếu đồng bộ.

Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các ban ngành, đoàn thể ở xã nhiều mặt chưa nghiêm, nhất là công tác phối kết hợp thực hiện nhiệm vụ chưa đồng bộ, chế độ thông tin báo cáo chưa kịp thời, chế độ phục vụ nhân dân của một số cơ quan, cán bộ, công chức còn vi phạm.

Việc tiếp nhận và giải quyết một số công việc thiếu đồng bộ, công tác tuyên truyền pháp luật chưa sâu rộng, thiếu thường xuyên.

Năng lực một số cán bộ, công chức còn yếu, chậm trễ trước công việc được giao, việc xử lý giải quyết các vấn đề bức xúc nỗi cộm chưa triệt để, còn kéo dài.

### V. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân

**1. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước được kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động.** Các tổ chức trong hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy nhiệm kỳ qua đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động, bảo đảm cơ chế "*Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ*".

**2. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đã chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về khu dân cư;** các hoạt động có hiệu quả đã gắn với lợi ích của đoàn viên, hội viên, như: Ủy ban Mặt trận có cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*", "*Ngày vui người nghèo*", được khơi dậy mạnh mẽ; các hội đoàn thể như Người cao tuổi Đoàn thanh niên, Hội LHPN, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân có các phong trào "*Tuổi cao gương sáng*", "*Thanh niên lập thân lập nghiệp*", "*Đẩy mạnh phong trào thi đua trong từng chi tổ hội*", mô hình "*Con heo đất*", "*Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hội viên gương mẫu*", "*Phong trào chung tay xây dựng nông thôn mới*", "*thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau giảm nghèo*". Các

hỗn trào thi đua yêu nước được tổ chức ngày càng sâu rộng, tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

Vai trò giám sát và phản biện xã hội, thực hiện quy chế dân chủ của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội được phát huy, kịp thời nắm bắt và giải quyết tình hình tư tưởng tâm tư nguyện vọng của nhân dân, tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh.

#### **\* *Khuyết điểm, hạn chế***

Tinh thần động sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chưa cao, chưa bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của cấp mình và cấp trên.

Việc xây dựng hội viên, đoàn viên nòng cốt còn mõng, công tác phối kết hợp thiếu chặt chẽ, chế độ thông tin, báo cáo thiếu kịp thời.

Việc củng cố tổ chức và hoạt động của chi hội đoàn thể ở địa bàn dân cư, cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức; cơ sở làm việc của Ủy ban Mặt trận, các đoàn thể chưa bảo đảm yêu cầu.

## **VI. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng**

### **1. Công tác chính trị, tư tưởng có nhiều chuyển biến tích cực**

Đảng ủy đã kịp thời tổ chức triển khai, quán triệt các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng cấp trên, đồng thời cụ thể hóa bằng các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch để tổ chức thực hiện, đã mở 21 lớp, có hơn 1.000 lượt cán bộ đảng viên, hội viên, đoàn viên tham gia, tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt và học lập nghị quyết của Đảng đạt trên 95%. Nhìn chung nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên, tạo sự đồng thuận trong xã hội, góp phần ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Việc học tập các chuyên đề, triển khai xây dựng kế hoạch làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân theo tinh thần Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị được đẩy mạnh; tổ chức sinh hoạt chính trị kỷ niệm 45 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tình hình biển Đông, nhận thức làm theo tấm gương của Bác ngày càng được nhân rộng. Kịp thời ban hành chương trình hành động, triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu quả Nghị quyết TW 3 (khóa XI) về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí", không để xảy ra tệ nạn tham nhũng, lãng phí trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

### **2. Công tác tổ chức, cán bộ đạt được nhiều kết quả quan trọng**

Đảng bộ có 13 Chi bộ trực thuộc, tăng 5 chi bộ so với năm 2010; hàng năm có 96,55% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, trên 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiệm kỳ qua đã kết nạp được 42 đảng viên mới, đạt 93,3% so với nghị quyết (8-10 đảng viên/năm), nâng tổng số đảng viên Đảng bộ lên 93 đồng chí. Tỷ lệ đảng viên là công an viên đạt 83,3%, thôn đội trưởng đạt 66,66%, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng cơ động đạt 100%, tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân đạt 30,6%.

Công tác cán bộ có nhiều tiến bộ; làm tốt việc quy hoạch, bổ sung quy hoạch nhiệm 2010-2015, chuẩn bị quy hoạch nhân sự cấp ủy và các chức danh chủ chốt nhiệm kỳ 2015 - 2020. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt và sử dụng cán bộ được quan tâm; có 15 đồng chí hoàn thành chương trình trung cấp chính trị - hành chính, 07 đồng chí tốt nghiệp cao đẳng, đại học và 6 đồng chí đang học cao

đảng và đại học. 100% cán bộ cấp trưởng, phó của MTTQ, các đoàn thể xã là đảng viên. Đã bố trí 23/25 định biên theo Nghị định 92 của Chính phủ trong đó cán bộ công chức đạt chuẩn chiếm 96%; sắp xếp bố trí kiêm nhiệm cán bộ không chuyên trách ở xã và thôn bảo đảm quy định.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ thường xuyên quan tâm phục vụ công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ và kết nạp đảng viên mới. Việc kê khai tài sản tiền hành hàng năm được chú trọng, công khai, minh bạch từ cán bộ lãnh đạo quản lý đến cán bộ công chức thực hiện bảo đảm yêu cầu.

### **3. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được tăng cường**

Kịp thời quán triệt quyết định 46, quy định 47 của BCH TW (khóa XI) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, những điều đảng viên không được làm. Hàng năm Đảng ủy, UBKT, các Chi bộ trực thuộc đều xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình kiểm tra, giám sát một cách nghiêm túc. Toàn Đảng bộ đã tiến hành 55 cuộc kiểm tra, giám sát, trong đó Đảng ủy tiến hành 11 cuộc, UBKT 10 cuộc, các chi bộ trực thuộc 34 cuộc. Nội dung các cuộc kiểm tra, giám sát là nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi bộ, thực hiện Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị, thực hiện nhiệm vụ được giao, những điều đảng viên không được làm, mối quan hệ nơi cư trú, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), thu nộp vì sử dụng đảng phí.... Qua kiểm tra, giám sát chưa phát hiện sai phạm lớn, đã kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, hạn chế để động viên các tổ chức, cá nhân, từng bước nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng và chất lượng cán bộ đảng viên.

### **4. Công tác dân vận có nhiều chuyển biến**

Thường xuyên lãnh chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, Chi bộ thực hiện tốt chủ trương, nghị quyết, chương trình hành động của Đảng về tôn giáo, công tác vận động quần chúng trong tình mới, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phong trào thi đua yêu nước; kịp thời ban hành quy chế hoạt động dân vận trong hệ thống chính trị, không ngừng củng cố kiện toàn khối dân vận, tổ dân vận địa bàn dân cư, đặc biệt là nâng cao chất lượng, hiệu quả mô hình dân vận khéo góp phần xây dựng niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

### **5. Có nhiều đổi mới trong phương thức lãnh đạo của Đảng**

Đảng ủy đã ban hành nhiều loại văn bản tập trung lãnh chỉ đạo các nhiệm vụ phát triển KTXH, QPAN, xây dựng nông thôn mới; trong xây dựng văn bản đã vận dụng cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của cấp trên vào tình hình thực tiễn địa phương; tập trung xử lý những vấn đề nỗi cộm có hiệu quả, làm chuyển biến trên các mặt kinh tế - văn hóa, đời sống, chính trị xã hội địa phương. Kịp thời sơ kết tổng kết các nghị quyết, chủ trương của Đảng; xây dựng ban hành quy chế, chương trình, kế hoạch làm việc của Đảng ủy, chính quyền, Mặt trận đoàn thể, Chi bộ. Phân công cấp ủy viên phụ trách các lĩnh vực, địa bàn; phân công các đồng chí Ủy viên Thường vụ dự sinh hoạt ở các Chi bộ ít nhất 6 lần/năm để nắm bắt tình hình và trực tiếp chỉ đạo xử lý công việc, nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi bộ. Trong công tác và sinh hoạt Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ luôn được giữ vững, đề cao vai trò cá nhân phụ trách và tập thể lãnh đạo; thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo; tuân thủ sự lãnh chỉ đạo cấp trên. Tiếp tục phát huy quyền làm chủ nhân

lần, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh theo tinh thần nghị quyết TW 3 khóa VII) gắn với Nghị quyết TW 5 (khóa IX) về "Đổi mới nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở", Nghị quyết TW 5 (khóa X) về "Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị", chỉ đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cụ thể hóa nghị quyết. Đảng ủy thành chương trình, kế hoạch cụ thể của từng tổ chức để thực hiện, bao gồm cơ chế "Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ".

**6. Việc thực hiện Nghị quyết TW 4 (khóa XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" gắn với Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị và Nghị quyết TW 3 (khóa XI) về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí" có nhiều chuyển biến tích cực**

Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nghiêm túc và triển khai kịp thời có hiệu quả từ việc triển khai, quán triệt nghị quyết, thống nhất về tư tưởng chỉ đạo, cách làm với phuong châm là phải thẳng thắn, khách quan, trung thực, đoàn kết, nghiêm túc, không bao che, bảo thủ, tránh né và với tinh thần kiểm điểm để xây dựng tổ chức thực sự trong sạch vững mạnh. Qua thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị đã tạo được chuyển biến sâu sắc về nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu tổ chức trước yêu cầu nhiệm vụ cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay; tạo được không khí dân chủ, đoàn kết trong Đảng và toàn xã hội; nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện, tinh thần phấn đấu thực hiện nhiệm vụ chính trị trong toàn thể đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên; thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; hạn chế được tình trạng đùn đẩy, đổ lỗi, gò phanh đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và các tệ nạn xã hội; khơi dậy tinh thần tự phê bình và phê bình trong mỗi tập thể và cá nhân cán bộ, đảng viên; xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa có tâm, có tầm, có trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, nâng cao uy tín của Đảng trước nhân dân, động viên được các phong trào thi đua yêu nước.

Vệc triển khai thực hiện Nghị quyết TW 3 (khóa XI) về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí" được Đảng ủy nghiêm túc chú trọng; đã tập trung quán triệt, triển khai và xây dựng nghị quyết, kế hoạch thực hiện. Thực hiện công khai minh bạch trong việc kê khai tài sản, thu nhập, ngăn chặn và đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí.

#### \* Khuyết điểm, hạn chế

Công tác đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị trong toàn Đảng bộ thiếu các giải pháp tích cực, việc tham gia xây dựng Đảng, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt, phát huy trí tuệ, công tác giáo dục quản lý đảng viên còn hạn chế nhất là đảng viên trẻ; công tác kết nạp đảng viên ở địa bàn dân cư đang gặp khó khăn.

Một số tổ chức, cán bộ, đảng viên chưa phát huy tư duy trí tuệ, tính chủ động sáng tạo chưa cao, công tác dân vận chậm kiệu toàn củng cố, trong thực hiện nhiệm vụ còn chung chung chưa rõ nét. Công tác biên soạn lịch sử Đảng bộ còn chậm. Năng lực nắm bắt tình hình, báo cáo kết quả và tổ chức tuyên truyền các chủ

trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách Nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công cuộc đổi mới hiện nay, chế độ thông tin, báo cáo, phản ánh tình hình thiếu kịp thời, nhất là các tổ chức khi tiếp thu chủ trương của cấp trên về thực hiện địa phương.

## VII. Nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và đánh giá tổng quát

### 1. Nguyên nhân khuyết điểm, hạn chế

#### 1.1. Nguyên nhân khách quan

Là địa bàn thường xuyên bị ảnh hưởng bão lụt, sạt lở bờ biển, nguồn lợi thủy sản ven biển ngày càng cạn kiệt, rủi ro, dịch bệnh nuôi trồng xảy ra khó lường, thị trường đầu ra sản phẩm hoàn toàn bị động.

#### 1.2. Nguyên nhân chủ quan

Việc triển khai, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa được sâu rộng; việc vận dụng, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, chính sách, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương chưa thật sự tư duy hóa, giải pháp tổ chức thực hiện thiếu đồng bộ, thiếu khoa học, tính khả thi chưa cao.

Công tác phối hợp, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ giữa các ban, ngành, đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc còn nhiều lỏng lẻo, chưa chặt chẽ; phong cách lè lối làm việc thiếu tính chủ động và sáng tạo.

Công tác đầu tư mở rộng phát triển các ngành nghề chưa được tập trung, còn dàn trải chưa theo quy hoạch vùng, tổ chức đào tạo nghề và chuyển đổi nghề, giải quyết việc làm bị động, công tác thống kê, tổng hợp dự báo tình hình thiếu thường xuyên, thiếu chính xác.

### 2. Bài học kinh nghiệm

2.1. Kiên định Chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng; nắm vững nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là thiên chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh là điều kiện cơ bản để phát huy nội lực, thu hút ngoại lực vào đầu tư phát triển kinh tế, xã hội.

2.2. Phát huy tư duy và vận dụng sáng tạo các quan điểm, định hướng của Đảng, chính sách Nhà nước phù hợp vào từng điều kiện cụ thể của địa phương. Không ngừng phát huy tính chủ động sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ lãnh chỉ đạo, điều hành, quản lý một cách đồng bộ trong cả hệ thống chính trị trên tất cả các lĩnh vực. Tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát; coi trọng công tác sơ kết tổng kết các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước.

2.3 Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và cả hệ thống chính trị; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân, tạo sự đồng thuận nhất trí cao trong xã hội.

2.4. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ"; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tuân thủ các quy định của Đảng, chăm lo xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh.

### **3. Đánh giá tổng quát**

Nhiệm kỳ qua, mặc dù tình hình thế giới, trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lụt, dịch bệnh liên tiếp xảy ra, nhưng dưới sự lãnh chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Thị ủy, sự quan tâm giúp đỡ các ban ngành, đoàn thể thị xã; Đảng bộ và nhân dân xã Hải Dương đã nỗ lực phấn đấu vươn lên, vượt qua khó khăn thử thách, đoàn kết nhất trí, phát huy nội lực đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực; dự ước cuối năm 2015 đạt 08/13 chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ IX đề ra. Xây dựng nông thôn mới cuối năm 2015 đạt 15/19 tiêu chí theo bộ tiêu chí quốc gia; nền kinh tế duy trì với tốc độ tăng trưởng khá, tiềm năng thế mạnh từng bước khai thác có hiệu quả, kết cấu hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ. Chính sách an sinh xã hội, văn hóa có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, quốc phòng, an ninh được bảo đảm, dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chính quyền, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân được nâng cao. Công tác xây dựng Đảng và thực hiện nghị quyết TW4 (khóa XI) về "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" gắn với thực hiện Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ngày càng có hiệu quả và lan tỏa trong các tầng lớp nhân dân, làm cho nhân dân phấn khởi và tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2015 - 2020**

Nhiệm kỳ 2015 - 2020 có những thuận lợi cơ bản, thành tựu của công cuộc đổi mới gần 30 năm qua của đất nước đã tạo ra thế và lực mới cho những chặn đường tiếp theo, chính trị xã hội ổn định, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quan hệ quốc tế và hội nhập ngày càng sâu rộng, nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng XHCN ngày càng phát triển, cơ sở hạ tầng được đầu tư trên các lĩnh vực từng bước đồng bộ, chính sách an sinh xã hội và truyền thống văn hóa phát huy tốt đẹp, đời sống nhân dân được cải thiện. Quan điểm, chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước ngày càng hoàn thiện, hệ thống chính trị địa phương không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng gặp không ít khó khăn thách thức, nền kinh tế xã nhà phát triển chậm, thiếu bền vững; hiệu quả khai thác tiềm năng thế mạnh còn thấp, dịch bệnh, thiên tai vẫn khó lường, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm tác động không nhỏ đến sự phát triển chung của đất nước, âm mưu "Điển biến hòa bình" các thế lực thù địch còn phức tạp, tình hình biển Đông chưa thật sự lắng dịu còn nhiều cảng thẳng.

Trước yêu cầu sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, Đảng bộ và nhân dân xã Hải Dương tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được trong nhiệm kỳ qua; tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách, phát huy nội lực, không

ngừng đổi mới toàn diện và đồng bộ hơn, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

## A. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU PHÁN ĐẦU ĐEN NĂM 2020

### I. Mục tiêu

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; huy động và tranh thủ mọi nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội nhanh và bền vững, chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nông nghiệp - dịch vụ - tiểu thu công nghiệp. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, giữ vững quốc phòng - an ninh, ổn định chính trị, xây dựng xã Hải Dương sớm đạt chuẩn nông thôn mới.

### II. Các chỉ tiêu chủ yếu

#### \* Về kinh tế

- |   |                   |
|---|-------------------|
| 1. Tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm:                  | 10-12%.           |
| 2. Cơ cấu kinh tế:  |                   |
| + Nông nghiệp:  | 55,31%.           |
| + Dịch vụ:  | 23,64%.           |
| + Tiểu thu công nghiệp:                                     | 21,05%.           |
| 3. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020                | 37-40 triệu đồng. |
| 4. Tổng thu ngân sách ở địa phương tăng bình quân hàng năm: | 10-15%.           |
| 5. Tổng mức đầu tư xã hội 5 năm 2016-2020:                  | 200-240 tỷ đồng.  |
| 6. Tổng sản lượng đánh bắt nuôi trồng bình quân hàng năm:   | 1.266 tấn.        |
| 7. Tổng sản lượng thóc bình quân hàng năm:                  | 360 tấn.          |

#### \* Văn hóa - xã hội, môi trường

- |  |                   |
|--|-------------------|
| 8. Tỷ lệ thôn, cơ quan đạt chuẩn văn hóa :   | 100%.             |
| 9. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia:          | 75% (3/4 trường). |
| 10. Tỷ lệ phát triển DSTN:                   | < 1%.             |
| 11. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng: | < 9%.             |
| 12. Đào tạo nghề hàng năm:                   | 100 lao động.     |
| 13. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: | > 90%.            |
| 14. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn:                 | < 5%.             |

- |                                    |        |
|------------------------------------|--------|
| 15. Tỷ lệ sử dụng nước sạch        | 99%.   |
| 16. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải: | > 90%. |

**\* Xây dựng Đảng**

- |  |                |
|--|----------------|
| 17. Tỷ lệ Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh: | > 80 %         |
| 18. Bình quân hàng năm kết nạp đảng viên:  | 8-10 đảng viên |

**B. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

**I. Về phát triển kinh tế**

Đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nông nghiệp – dịch vụ - khu công nghiệp, ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đánh bắt, nuôi trồng, chế biến sản phẩm kết hợp tăng trưởng nhanh, tạo sức cạnh tranh trên thị trường sản phẩm.

**1. Phát triển nông nghiệp toàn diện và kinh tế nông thôn**

Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển năng lực đánh bắt biển theo hướng xa bờ, đồng thời duy trì ổn định nghề bãي ngang, sông đầm khai thác một cách hợp lý, gắn liền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phấn đấu đến năm 2020 sản lượng đánh bắt đạt 1.038 tấn, trong đó sản phẩm có giá trị kinh tế cao chiếm 50 - 55%.

Phát triển vùng nuôi ổn định theo quy hoạch, không ngừng đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ vùng nuôi cao triều, nuôi hạ triều, xây dựng trại ươm tôm, cá giống, chú ý con vật nuôi đa dạng, có giá trị, hạn chế rủi ro, kết hợp hài hòa thảm canh, bán thảm canh, đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật cho người nuôi. Phấn đấu đến năm 2020 diện tích nuôi đạt 100% (66,9ha), trong đó 25% diện tích nuôi có thu nhập từ 250 triệu đến 300 triệu đồng/ha; lồng thả nuôi 750 lồng, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 293,5 tấn.

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học vào trong trồng trọt, đầu tư nạo vét hồ chứa nước, tăng cường chăm sóc phòng ngừa sâu bệnh, tiến đến chuyển đổi cơ cấu giống lúa cấp 1 đạt 100%, cây trồng có năng suất cao và năng suất bình quân đạt 54 tạ/ha, tận dụng tối đa đất có điều kiện sản xuất để tăng hệ số tỷ lệ sử dụng đất.

Khuyến khích phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm theo hình thức gia trại; từng bước phát triển nuôi quy mô công nghiệp, coi trọng công tác phòng ngừa dịch bệnh, phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Phấn đấu đến năm 2020 phát triển đàn trâu, bò, dê 300 con, đàn lợn 2.000 - 2.500 con, gia cầm 30.000 - 35.000 con.

\* Phấn đấu đến năm 2020 tổng giá trị sản xuất từ ngành nông nghiệp đạt 407,92 tỷ đồng.

**2. Chú trọng phát triển dịch vụ - du lịch**

Phát huy lợi thế tiềm năng của xã ven biển, giao thông thuận lợi, tập trung đầu tư gắn với huy động nội lực, sớm hoàn thành 2 tuyến đường ra bãي tắm cộng đồng; xây dựng kế hoạch phát triển, khai thác có hiệu quả tuyến đê kè biển nhằm thúc đẩy

phát triển mạnh ngành dịch vụ bãi biển; đồng thời mở rộng các dịch vụ phục vụ phát triển sản xuất, vận tải, thương mại hình thành cụm làng nghề chế biến thủy sản; tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân có điều kiện đi thăm thân, lao động nước ngoài và lao động trong nước, tạo thu nhập đáng kể trong phát triển dịch vụ.

\* Phân đầu đến năm 2020 tổng giá trị sản xuất ngành dịch vụ - du lịch đạt 174,21 tỷ đồng.

### **3. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề**

Duy trì nâng cao chất lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh các loại hình hiện có, phát huy nhân rộng các nghề truyền thống như mộc, nề, may mặc, chǎm nón, chế biến....vừa thu hút lao động, vừa giải quyết việc làm, coi trọng chất lượng, mẫu mã sản phẩm, mở rộng thị trường tăng nhanh sức cạnh tranh, tiếp tục xây dựng các tổ đội, nhóm nghề tiêu thủ công nghiệp, chế biến, từng bước xây dựng và phát triển thành làng nghề.

\* Phân đầu đến năm 2020 tổng giá trị sản xuất từ ngành tiểu thủ công nghiệp đạt 160,79 tỷ đồng.

### **4. Quan tâm công tác quản lý đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Tranh thủ các chương trình dự án đầu tư của Nhà nước để tiến hành quy hoạch đất ở, đất nghĩa địa, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng Tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên. Hoàn thành việc cấp mới và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân. Tiếp tục thực hiện đề án thu gom và xử lý rác thải, giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Mở rộng cung cấp nước sạch cho nhân dân xóm Mới, Vĩnh Thành, phấn đấu đến năm 2020 có 99% hộ sử dụng nước sạch.

### **5. Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, ngân sách**

Có chính sách hợp lý và tạo điều kiện tốt để khuyến khích phát triển các ngành nghề dịch vụ tạo nguồn thu cho ngân sách xã; tăng cường công tác quản lý tài chính phấn đấu hàng năm thu đạt kế hoạch đề ra, quan tâm thu cấp quyền sử dụng đất, thu các loại quỹ; thực hành tiết kiệm trong chi tiêu, bảo đảm chi trả kịp thời các hoạt động Đảng, Chính quyền, Mặt trận, đoàn thể; phối hợp ngành thuế ngân hàng thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính trên địa bàn.

### **6. Chú trọng phát triển các thành phần kinh tế**

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển theo hướng đa dạng chuyển đổi và duy trì hoạt động hai hợp tác xã nông nghiệp theo luật HTX và các chi hội nghề cá hiện có; không ngừng đẩy mạnh và phát triển các thành phần kinh tế trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vận tải, thương mại dịch vụ, mộc, nề, chế biến theo hướng liên kết nhóm, tổ, đội, hội sản xuất kinh doanh đồng thời coi trọng và tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình ngày càng đa dạng.

### **7. Xây dựng nông thôn mới, đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ**

#### **7.1. Xây dựng nông thôn mới**

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao vai trò trách nhiệm và nhận thức trong các đối tượng tham gia, phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư, huy động tối đa sự đóng góp nhân lực, vật lực của nhân dân, các tổ chức xã hội gắn liền với đầu tư nhà nước. Đẩy mạnh quản lý nhà nước về tổ chức thực hiện quy hoạch, quy chế, thực hiện nghiêm các quy định về xây dựng, cảnh quan mô

trường... Bảo đảm chặt chẽ các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm môi trường, quốc phòng an ninh trong mỗi đề án thực hiện.

Phân đầu năm 2018 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### *7.2. Đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả*

Tranh thủ nguồn từ chính sách hỗ trợ các chương trình dự án, đầu tư cấp tên, các tổ chức, huy động nội lực trong nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn vốn và chất lượng các công trình bền vững. Theo lộ trình đề ra từ nay đến năm 2020 tập trung các công trình sau: xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, đê ngăn mặn, hồ chứa phục vụ trồng trọt, khu trung tâm thương mại đầu cầu, 4 phòng học trường Tiểu học Thai Dương, trường Mầm non, nhà hiệu bộ trường THCS Hoàng Kim Hoán, trường Tiểu học Vĩnh Dương, nhà văn hóa đa năng, nhà bia tưởng niệm liệt sĩ, mở rộng trụ sở UBND xã, sân bóng đá, khu nghĩa địa nhân dân, 02 đường ra bãi tắm cộng đồng, đường liên thôn liên xóm, hệ thống thoát nước, nước sạch xóm Mới, xóm Vĩnh Thành.

### **8. Phát triển kinh tế xã hội các địa bàn**

Phát huy tiềm năng thế mạnh của từng địa bàn tạo sự liên kết theo quy hoạch.

- Đối với Thai Dương Hạ: tập trung phát triển thủy sản mà trọng tâm là nuôi cá lồng ven phá, khai thác đánh bắt biển. Hình thành cụm, làng nghề chế biến, tăng cường công tác quản lý kinh doanh chợ Hải Dương, hình thành các điểm dịch vụ bờ biển.

- Đối với Thai Dương Thượng và Vĩnh Trị: tiếp tục đầu tư và nâng cao hiệu quả sản xuất của hai dự án cao triều, thấp triều; ổn định, duy trì nghề bãi ngang, sông đầm; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có chất lượng hiệu quả; mở rộng kinh doanh dịch vụ đầu cầu, bờ biển; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường.

## **II. Phát triển toàn diện các hoạt động văn hóa - xã hội**

### **1. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo**

Tiếp tục ổn định và phát triển mạng lưới trường, lớp theo quy hoạch, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học; đặc biệt coi trọng truyền thống, lịch sử, tư tưởng, đạo đức lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành và ý thức trách nhiệm cho học sinh; tiếp tục giữ vững phô cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, trung học cơ sở, phô cập giáo dục mầm non và trẻ 5 tuổi; chú trọng đầu tư các điều kiện để 3/4 trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên theo hướng nâng cao chất lượng. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả chủ trương xã hội hóa nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới; tiếp tục triển khai thực hiện đề án “xã hội học tập” của Chính phủ giai đoạn 2012 - 2020, khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài. Tiếp tục lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về “Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục - đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”.

## **2. Chăm lo phát triển văn hóa thông tin, thể dục - thể thao**

Tiếp tục quán triễn thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước". Bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội văn hóa truyền thống của địa phương, đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư"; thực hiện có hiệu quả các quy ước cơ quan, thôn, văn hóa hàng năm phấn đấu 100% thôn, cơ quan được cộng nhận đạt chuẩn, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

Nâng cao chất lượng hoạt động của đài truyền thanh, tuyên truyền và tổ chức tốt các nội dung phục vụ các ngày lễ lớn trọng đại của đất nước; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; quản lý có hiệu quả các hoạt động dịch vụ văn hóa. Xây dựng các thiết chế văn hóa, cơ sở vật chất văn hóa phục vụ tầng lớp nhân dân tiếp tục đẩy mạnh phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ".

## **3. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số kế hoạch hóa gia đình**

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chương trình quốc gia, y tế dự phòng chủ động phòng ngừa dịch bệnh, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia BHYT tự nguyện, phấn đấu đến năm 2020 đạt trên 85% so với dân số; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 9%, tăng cường tuyên thông lòng ghép dịch vụ chăm sóc SKSS - KHHGĐ, xây dựng gia đình bên vững, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn dưới 15% và cân bằng giới tính; giảm tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%, giữ vững xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

## **4. Thực hiện tốt các vấn đề xã hội, bảo đảm an sinh - xã hội**

Thực hiện các chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước đối với người có công cách mạng, người tàn tật, bảo trợ xã hội; thực hiện có hiệu quả xây dựng nhà ở cho người nghèo phòng tránh lụt bão theo quyết định 48 của Chính phủ; phòng chống tệ nạn xã hội, giữ vững kết quả xã phù hợp với trẻ em.

Thực hiện tốt các chương trình về lao động và giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, giảm nghèo và đào tạo nghề gắn với chuyển đổi lao động nông thôn, mở rộng các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chuyển giao kỹ thuật nhằm giải quyết việc làm và tăng thu nhập đời sống nhân dân.

## **5. Ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, đời sống**

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức và nhân dân ứng dụng những thành tựu của khoa học - công nghệ vào quản lý nhà nước, sản xuất và đời sống, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

## **III. Về công tác quốc phòng - an ninh**

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN. Nâng cao tinh thần cống hiến, trách nhiệm, ý thức kỷ luật, tinh thần đồng lòng, đồng sức, đồng lòng thi đua, nêu cao tinh thần hy sinh, hy sinh quên mình, sẵn sàng chiến đấu.

giác cách mạng trước âm mưu “*Điễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch, chủ động kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn ngay từ đầu, nhất là tình hình an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn, bảo đảm ANCT, TTATXH. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, ra sức củng cố xây dựng lực lượng từ xã đến địa bàn dân cư tuyệt đối an toàn làm chủ.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng toàn dân. Xây dựng cơ sở xã và cụm tuyển an toàn làm chủ - sẵn sàng chiến đấu, nâng cao chất lượng huấn luyện diễn tập, sinh hoạt dân quân, dự bị động viên, lực lượng dân quân biển, chủ động công tác sẵn sàng chiến đấu, tìm kiếm cứu nạn, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; phối kết hợp chặt chẽ các lực lượng trong thực thi nhiệm vụ; quản lý tốt thanh niên trong độ tuổi, hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hàng năm đạt chất lượng cao.

#### **IV. Về xây dựng chính quyền**

Tăng cường lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả pháp lệnh dân chủ, phát huy vai trò đại biểu dân cử, MTTQ, các đoàn thể và nhân dân trong việc giám sát của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện công vụ. Không ngừng đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phong cách lề lối làm việc, thái độ phục vụ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật, thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND trong việc thực hiện chức năng quyết định và giám sát, đổi mới nội dung phương pháp kỳ họp coi trọng chất vấn và trả lời chất vấn, tăng cường đi cơ sở và tiếp dân lắng nghe tâm tư nguyện vọng của nhân dân cử tri phản ánh.

Đẩy mạnh các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động của UBND một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; củng cố tổ chức kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, không chuyên trách theo hướng kiêm nhiệm, tinh gọn; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách; đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Tập trung lãnh đạo giải quyết kịp thời có hiệu quả những vấn đề nổi cộm, đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đúng pháp luật; thường xuyên coi trọng công tác đánh giá cán bộ, đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, không chuyên trách có phẩm chất, đạo đức, năng lực kém, tham ô, lăng phí, nhũng nhiễu, gây phiền hà trong quan hệ hành chính với nhân dân.

Lãnh đạo cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 bảo đảm dân chủ, tuyệt đối an toàn.

#### **V. Về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể**

Phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể trong việc mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, động viên nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Đảng; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động thông qua các phong trào, các nhiệm vụ cụ thể thiết thực gắn với các chương trình dự án để

tập hợp thu hút đoàn viên, hội viên tham gia; xây dựng lực lượng nòng cốt, đủ sức thực hiện trong các phong trào hành động cách mạng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho hội viên, đoàn viên.

Tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền, kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân, tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội, kiên quyết đấu tranh đối với các tổ chức, cá nhân lợi dụng tôn giáo để chia rẽ kinh tế đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò hoạt động Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước. Phấn đấu hàng năm 100% các tổ chức chính trị - xã hội phân loại đạt và cao nhất.

## **VI. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh**

### **1. Tiếp tục tăng cường công tác về tư tưởng chính trị**

Nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường giai cấp, phẩm chất đạo đức cá nhân cho cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên trẻ, tạo sự thống nhất trong Đảng nhận thức, ý chí hành động. Kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Ra sức bảo vệ thành công cách mạng, nâng cao cảnh giác trước âm mưu "Điển biến hòa bình" của các thế lực thù địch; đấu tranh loại bỏ các quan điểm, tư tưởng lệch lạc, sai trái, tuyên truyền xuyên tạc. Phấn đấu hoàn thành biên soạn lịch sử Đảng bộ xã vào năm 2018.

Không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp triển khai học tập các chủ trương chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước đối với cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và tầng lớp nhân dân. Nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, chú trọng hình ảnh tuyên truyền miệng; tổ chức tốt các ngày lễ kỷ niệm lớn của quê hương, đất nước.

Tiếp tục đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" theo hướng làm theo bằng những việc làm cụ thể thiết thực, kịp thời nhân rộng gương điển hình tiên tiến.

### **2. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức cán bộ**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng chính đón Đảng vào chiều sâu, thường xuyên củng cố tổ chức Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Xác định rõ vị trí, vai trò lãnh đạo, chức năng nhiệm vụ các loại hình tổ chức Đảng, phát huy tính chủ động sáng tạo, tính chiến đấu, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, phấn đấu hàng năm có trên 80% Chi bộ trực thuộc trong sạch vững mạnh, không có tổ chức Đảng yếu kém; trên 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, Đảng bộ đạt "Trong sạch vững mạnh".

Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới, nhất là các địa bàn dân cư, các lĩnh vực chưa có hoặc còn ít đảng viên. Đến cuối nhiệm kỳ 100% công an viên, thốn đội trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng và 35% lực lượng dân quân là đảng viên. Tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Xây dựng và bổ sung quy hoạch cán bộ gắn với quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ có hiệu quả, chú ý cán bộ nữ và trẻ. Phấn đấu đến năm 2018 có 100% cán bộ lãnh đạo, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã có trình độ đạt chuẩn theo quy định, 70% cán bộ trong biên chế có trình độ chuyên môn đại học; coi trọng công tác nhận xét đánh giá cán bộ theo quy định, tiếp tục bố trí sắp xếp cán bộ theo Nghị định 92 của Chính phủ.

### **3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát**

Tiếp tục quán triệt các nghị quyết, quyết định, quy định hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, Thị ủy và UBKT các cấp để nâng cao nhận thức về vai trò lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, các tổ chức đảng; đưa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trở thành nhiệm vụ thường xuyên, có nền nếp.

Tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, nguyên tắc tổ chức đảng, kiểm tra toàn diện trên các lĩnh vực KTXH, QPAN, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở xã.... Kịp thời phát hiện, kiểm tra và kết luận, xử lý nghiêm túc khi tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức đảng và đảng viên.

### **4. Tiếp tục đổi mới công tác dân vận theo hướng gần dân, sát dân**

Tiếp tục triển khai Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XI) về "Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới". Đẩy mạnh hiệu quả công tác mô hình dân vận khéo; không ngừng củng cố và phát huy vai trò trách nhiệm của khối dân vận, tổ dân vận, ban chỉ đạo quy chế dân chủ, ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư cộng đồng. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân; phát triển hội viên, đoàn viên gắn với xây dựng lực lượng nòng cốt, động viên tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước, chủ động sáng tạo trong nhiệm vụ, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh.

### **5. Đẩy mạnh việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng**

Tiếp tục xác định và thực hiện tốt vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của TCCS Đảng, bảo đảm sự lãnh chỉ đạo trực tiếp, sâu sát, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, xã hội, đúng định hướng của cấp trên và tình hình thực tiễn đặt ra trên địa bàn, khắc phục những khuyết điểm hạn chế trong lãnh chỉ đạo, điều hành tạo chuyển biến rõ rệt và đồng bộ.

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế, chương trình làm việc hàng năm và cả nhiệm kỳ. Bí thư cấp ủy, cấp ủy viên, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị, tổ chức Đảng phải thật sự nêu gương, phát huy trí tuệ, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Quá trình thực hiện phải bảo đảm cơ chế "Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ".

Tiếp tục đổi mới quy trình ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết bảo đảm tính khả thi cao, kịp thời sơ tống kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đ rút kinh nghiệm trong lãnh đạo điều hành.

Duy trì chế độ và nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi bộ, làm tốt công tác quản lý, phân công đảng viên, giữ tốt mối liên hệ với Đảng ủy, Chi ủy và thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú, nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ đảng viên. Lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, quan tâm củng cố các tổ chức đoàn thể trong phạm vi lãnh đạo, coi trọng công tác kiểm tra, giám sát nâng cao tác dụng lãnh đạo ở địa bàn dân cư, cơ quan, đơn vị.

#### **6. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW4 (khóa XI) gắn với học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và Nghị quyết TW 3 (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí**

Tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết TW4 (khóa XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay". Mỗi một cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận, các cơ quan, đơn vị, đoàn thể phải nghiên cứu nắm vững mục tiêu, phương châm và nhóm giải pháp của Nghị quyết, vừa phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc phục vụ nhân dân, có giải pháp tích cực để khắc phục khuyết điểm hạn chế quanh quẩn, tự phê bình và phê bình tập thể cá nhân, không để khuyết điểm mờ ám phát sinh; trong quá trình thực hiện phải gắn với việc thực hiện Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị và Nghị quyết TW 3 (khóa XI) về phòng chống tham nhũng, lãng phí xem đây là việc làm thường xuyên của tổ chức và cá nhân, phải tạo sự chuyển biến rõ rệt, nhằm xây dựng Đảng thật sự là Đảng cách mạng, chân chính, ngày càng trong sạch vững mạnh; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân, động viên toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các chủ trương, Nghị quyết của Đảng.

### **C. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM**

1. Chương trình xây dựng nông thôn mới
2. Chương trình phát triển thủy sản
3. Chương trình phát triển dịch vụ - du lịch
4. Chương trình bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai

### **D. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP**

#### **1. Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển**

Tiếp tục triển khai và quy hoạch chi tiết về xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển KTXH gắn liền với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, trên cơ sở bám sát các tiêu chí, các công trình, dự án đầu tư của Nhà nước. Phát huy vốn nội lực trong nhân dân, khuyến khích kêu gọi vốn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phát triển KTXH trong lĩnh vực đánh bắt biển, nuôi trồng thủy sản và phục vụ lợi ích cộng đồng; đồng thời coi trọng sử dụng vốn có hiệu quả, chất lượng, chống mọi biểu hiện tiêu cực, lãng phí.

Tăng cường bồi dưỡng nguồn thu và phấn đấu thu ngân sách bảo đảm chỉ huy, chống thất thu thuế, phí và lệ phí, đi đôi quản lý chặt chẽ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, nhất là thu cấp quyền sử dụng đất, thực hành tiết kiệm, tăng đầu tư phát triển và giải quyết nợ công.

## **2. Ứng dụng khoa học kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai**

Tiếp tục đào tạo cán bộ để nâng cao về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho lao động nâng cao tay nghề, sử dụng thành thạo các phương tiện, trang thiết bị một cách có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Áp dụng khoa học, kỹ thuật vào các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, nhất là trong đánh bắt, chế biến, nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng.

Trong quá trình phát triển KTXH phải gắn chặt giữa sản xuất với bảo vệ sản xuất, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không ngừng đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, hạn chế rủi ro do dịch bệnh, quan tâm chất lượng, thương hiệu mẫu mã, uy tín sản phẩm đủ sức cạnh tranh thị trường.

Tăng cường công tác trồng rừng, ngăn chặn cát bay và xâm thực bờ biển, kịp thời theo dõi phòng chống thiên tai, làm hạn chế thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

## **3. Phát triển văn hóa, xã hội**

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, y tế, quan tâm hơn nữa về quy mô và chất lượng 3 cấp học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Nâng cao tỷ lệ các loại hình BHYT trong nhân dân, có chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, thiết chế văn hóa để thúc đẩy lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển.

Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; xây dựng làng, cơ quan văn hóa, xã văn hóa; kiên quyết đấu tranh loại bỏ các tai tệ nạn xã hội trên địa bàn.

Lồng ghép các chương trình dự án phát triển KTXH và các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách an sinh xã hội, đẩy nhanh chương trình giảm nghèo, vượt khó một cách bền vững; khuyến khích học nghề, mở lớp đào tạo nghề, giải quyết việc làm thông qua nhiều hình thức, thăm thân nước ngoài gắn liền lao động lồng thu nhập, tìm việc làm một cách phù hợp ở trong nước, tham gia xuất khẩu lao động; coi trọng thu gom rác thải, nước sạch khu vực xóm Mới, xóm Vĩnh Thành.

## **4. Tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh CCHC, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể**

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước bằng pháp luật và các quy định, quy chế trực tiếp của chính quyền, quy ước của làng, cơ quan văn hóa. Đẩy mạnh CCHC Nhà nước, đơn giản hóa và công khai các thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất, đạo đức lối sống lành mạnh, tận tụy với công việc, với nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống và loại bỏ tệ nạn quan liêu, sách nhiễu, tham ô, lăng phí.

MTTQ, các đoàn thể nhân dân phát huy tính chủ động, sáng tạo, thực hiện tốt chức năng động viên, giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước.

### **5. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên**

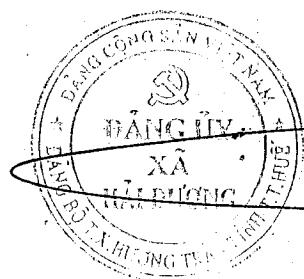
Tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 5, TW6 (khóa X) về "Đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị", "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên".

Nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" gắn với thực hiện Nghị quyết TW 4 (khóa XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay". Kịp thời nắm bắt và xử lý có hiệu quả dư luận xã hội, tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đổi mới nội dung phương thức nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng và chất lượng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thực hiện tốt công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là đội ngũ kế cận có năng lực phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, thực hiện tốt việc tự phê bình và phê bình. Cấp ủy và từng đảng viên phải thật sự tiên phong, gương mẫu, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tập trung củng cố xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, kỷ luật Nhà nước. Xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, thắt chặt sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng và đồng thuận trong xã hội.

Với ý chí và tinh thần cách mạng tiến công, niềm tin tưởng tuyệt đối vào sô lãnh đạo của Đảng; Đảng bộ và nhân dân xã Hải Dương nguyện đoàn kết một lòng quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng bộ xã để ra góp phần cùng thị xã thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII./.

**T/M ĐẢNG ỦY**

**BÍ THƯ**



**Lê Văn Đoàn**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU**

| STT                            | Chỉ tiêu                           | ĐVT        | Giai đoạn 2011 - 2015 |               |                 |                |                  | Giai đoạn 2016 - 2020 |                   |
|--------------------------------|------------------------------------|------------|-----------------------|---------------|-----------------|----------------|------------------|-----------------------|-------------------|
|                                |                                    |            | TH<br>2010            | NQ Đại hội IX |                 | Ước thực hiện  |                  | Dự kiến<br>đến 2020   | BQ<br>2015 - 2020 |
|                                |                                    |            |                       | Đến<br>2015   | BQ<br>2011-2015 | Ước TH<br>2015 | BQ<br>2011 -2015 |                       |                   |
| <b>CÁC CHỈ TIÊU THEO NGÀNH</b> |                                    |            |                       |               |                 |                |                  |                       |                   |
| <b>I</b>                       | <b>Về kinh tế</b>                  |            |                       |               |                 |                |                  |                       |                   |
| <b>1</b>                       | <i>Tốc độ tăng trưởng kinh tế:</i> | %          | 12,43                 | 13-13,5       |                 | 13,58          | 13,20            | 13,31                 | 12%               |
|                                | - Nông nghiệp                      | %          | 12,13                 | 12,8          |                 | 10,2           | 12,65            | 10,40                 | 8,65%             |
|                                | - Dịch vụ                          | %          | 15,25                 | 15            |                 | 20,8           | 5,25             | 21,73                 | 20%               |
|                                | - TTCN                             | %          | 8,53                  | 3,45          |                 | 17,08          | 25,8             | 11,05                 | 11%               |
| <b>2</b>                       | <i>Cơ cấu kinh tế:</i>             |            |                       |               |                 |                |                  |                       |                   |
|                                | - Nông nghiệp                      | %          | 59,91                 | 50,3          |                 | 58,56          |                  | 52,94                 |                   |
|                                | - Dịch vụ                          | %          | 26,59                 | 45            |                 | 18,50          |                  | 26,42                 |                   |
|                                | - TTCN                             | %          | 13,48                 | 4,7           |                 | 22,93          |                  | 20,64                 |                   |
| <b>3</b>                       | <i>Sản lượng KT, NT thủy sản</i>   | Tấn        | 1.150                 | 1.813         |                 | 1.180          | 1.151            | 1.331,5               | 1.266             |
|                                | Trong đó: Nuôi trồng               | Tấn        | 135                   | 303           |                 | 180            | 159,6            | 293,5                 | 247,5             |
| <b>4</b>                       | <i>Tổng SL cây trồng có hạt</i>    | Tấn        | 333,5                 | 330           |                 | 360            | 345,5            | 378                   | 360               |
| <b>5</b>                       | <i>Tổng vốn đầu tư toàn xã hội</i> | Triệu đồng | 15.967                | 1.061.600     |                 | 250.237        | 50.047           | 230.000               |                   |

|    |   |            |         |      |   |       |         |         |         |
|----|---|------------|---------|------|---|-------|---------|---------|---------|
| 6  | Tổng thu ngân sách                      | Triệu đồng | 195.118 | 950  |   | 585   | 282.429 | 910.400 | 1.532.2 |
| 7  | Thu nhập bình quân đầu người            | Triệu đồng | 8,44    | 13,1 |   | 18,54 | 13,54   | 37-40   |         |
| 8  | Làng, thôn, xã đạt chuẩn văn hóa        | %          | 88,9    | 90   |   | 100   | 95,4    | 100     |         |
| 9  | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia         | trường     | 0       | 3/4  |   | 1/4   |         | 3/4     |         |
| 10 | Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên        | %          | 0,8     | 1    |   | 0,85  | 0,78    | < 1,0   |         |
| 11 | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD            | %          | 9,2     | 12   |   | 9,2   | 9,32    | <9      |         |
| 12 | Đào tạo nghề hàng năm                   | lao động   | 0       | 0    |   | 0     | 0       | 100     |         |
| 13 | Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên | %          | 0       | 0    |   | 0     | 0       | 90      |         |
| 14 | Tỷ lệ hộ nghèo                          | %          | 9,95    | 5    |   | 6,81  | 7,91    | <5      |         |
| 15 | Tỷ lệ hộ dùng nước sạch                 | %          | 0       | 0    | 0 | 0     | 0       | 99      |         |
|    | Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh          |            | 88      | 98   |   |       |         |         |         |
| 16 | Tỷ lệ hộ thu gom, xử lý rác thải        |            | 0       | 0    | 0 | 0     | 0       | >90     |         |

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN THU NHẬP CÁC NGÀNH**  
**TỪ NĂM 2016 ĐẾN NĂM 2020**

| STT | NĂM  | NGÀNH NN | NGÀNH DV | NGÀNH TTCN | TỔNG      | GHI CHÚ |
|-----|------|----------|----------|------------|-----------|---------|
| 01  | 2016 | 66.053   | 24.800   | 26.218     | 117.071   |         |
| 02  | 2017 | 72.720,5 | 27.355   | 28.248     | 128.323,5 |         |
| 03  | 2018 | 79.565,5 | 32.464   | 32.227     | 144.256,5 |         |
| 04  | 2019 | 89.584,5 | 39.700   | 35.110     | 164.394,5 |         |
| 05  | 2020 | 99.999,5 | 49.900   | 38.990     | 188.889,5 |         |
|     | Tổng | 407.923  | 174.219  | 160.793    | 742.935   |         |

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN 5 NĂM 2011-2015**  
**XÃ HẢI DƯƠNG**

Triệu đồng:

| S<br>TT | Danh mục  | Quy mô   | Tổng kinh phí | Nguồn vốn thực hiện |              |                       |          |
|---------|---|----------|---------------|---------------------|--------------|-----------------------|----------|
|         |   |          |               | Nhà nước            | Ngân sách xã | Tổ chức Phi chính phủ | Nhân dân |
| I       | Năm 2011  |          | 11150         | 8350                | 0            | 0                     | 2800     |
| 1       | Trường THCS Hải Dương                                   | 14 phòng | 4700          | 4700                |              |                       |          |
| 2       | Nhà công vụ giáo viên                                   | 14 phòng | 2100          | 2100                |              |                       |          |
| 3       | Trạm bơm phục vụ Cao triều Thai Dương Thượng            | HTX      | 450           | 450                 |              |                       |          |
| 4       | Đường giao thông nông thôn loại 3m (thôn TDT Tây)       | 500m     | 1000          | 1000                |              |                       |          |
| 5       | Công trường rào Tiểu học Thái Dương                     | 100m     | 150           |                     |              |                       | 150      |
| 6       | Hệ thống truyền thanh hữu tuyến xã                      | Toàn xã  | 100           | 100                 |              |                       |          |
| 7       | Xây dựng nhà  | Toàn xã  | 2500          |                     |              |                       | 2500     |
| 5       | Xây dựng hàng rào                                       | Toàn xã  | 150           |                     |              |                       | 150      |
|         |   |          | 15967         | 14004               | 263          | 0                     | 1700     |
| II      | Năm 2012  |          |               |                     |              |                       |          |
| 1       | Xây dựng đường 3 m thôn Vĩnh Trị dự án Bài ngang        | 585 m    | 1000          | 1000                |              |                       |          |
| 2       | Trường mầm non Vĩnh Trị                                 | 2 phòng  | 1400          | 1400                |              |                       |          |
| 3       | Công trường rào mầm non Hải Dương                       | 121m     | 337           | 280                 | 57           |                       |          |
| 4       | Công trường rào THCS Hải Dương                          | 58m      | 1100          | 894                 | 206          |                       |          |
| 5       | Duy tu bê tông dề kè phục vụ nông nghiệp                | 2 HTX    | 30            | 30                  |              |                       |          |
| 6       | Xây dựng đường liên xã 3,5 m (trục đường chính xã)      | 1.400m   | 3400          | 3400                |              |                       |          |
| 7       | Dự án ADB hỗ trợ đầu nối nước sạch                      | xã       | 7000          | 7000                |              |                       |          |
| 8       | Xây dựng nhà  | toàn xã  | 1500          |                     |              |                       | 1500     |
| 9       | Xây dựng hàng rào                                       | toàn xã  | 200           |                     |              |                       | 200      |
| 10      | Quy hoạch Nông thôn mới                                 | toàn xã  | 112           | 112                 |              |                       |          |
| 11      | Quy hoạch sử dụng đất                                   | toàn xã  | 120           | 120                 |              |                       |          |
|         |   |          | 5634          | 1332                | 123          | 0                     | 4179     |
| III     | Năm 2013  |          |               |                     |              |                       |          |
| 1       | Xây dựng bếp ăn Mầm non                                 | 50m2     | 268           | 210                 | 58           |                       |          |
| 2       | Nâng cấp sửa chữa 4 phòng, sân TDTT trường Thái Dương   | 4 phòng  | 325           | 260                 | 65           |                       |          |
| 3       | Xây dựng Đường 2 m                                      | 1.000m   | 550           | 100                 |              |                       | 450      |
| 4       | Xây dựng đường 2,5 m (Vĩnh Trị, TDT Tây)                | 2.200m   | 1688          | 709                 |              |                       | 979      |
| 5       | Xây dựng cụm pano                                       | 3 cụm    | 53            | 53                  |              |                       |          |
| 6       | Xây dựng Nhà  | toàn xã  | 2500          |                     |              |                       | 2500     |
| 7       | Xây dựng hàng rào                                       | toàn xã  | 250           |                     |              |                       | 250      |
| 8       | Quy hoạch nuôi trồng thủy sản                           | toàn xã  | 100           |                     |              |                       |          |
|         |   |          | 22921         | 18512               | 70           | 0                     | 4339     |
| IV      | Năm 2014  |          |               |                     |              |                       |          |
| 1       | Xây dựng cổng và trường rào và mái Vĩnh Dương (CS. TDT) | 52m      | 453           | 383                 | 70           |                       |          |
| 2       | Xây dựng đường 2,5m (Vĩnh Trị, TDT Tây, TDH Trung)      | 1.000m   | 755           | 329                 |              |                       | 426      |
| 3       | Nâng cấp dê ngăn mạn 2 HTX                              | 2HTX     | 470           | 470                 |              |                       |          |
| 4       | Xây dựng Khu tái định cư 3                              | 2 ha     | 9200          | 9200                |              |                       |          |
| 5       | Đầu nối hệ thống nước sạch                              | toàn xã  | 8743          | 8130                |              |                       | 613      |
| 6       | Xây dựng hệ thống điện xóm Mới                          | 600m     |               |                     |              |                       |          |
| 7       | Xây dựng Nhà  | toàn xã  | 3000          |                     |              |                       | 3000     |
| 8       | Xây dựng hàng rào                                       | toàn xã  | 300           |                     |              |                       | 300      |

| V                                 | Năm 2015   |         | 4425         | 499          | 60         | 90        | 3776         |
|-----------------------------------|--|---------|--------------|--------------|------------|-----------|--------------|
| 1                                 | Xây dựng nhà “ <i>Một cửa</i> ” và sửa chữa phần mái UBND xã | 40m     | 200          | 170          | 30         |           |              |
| 2                                 | Xây dựng hàng rào Mầm Non Vinh Trí                           | 100m    | 120          |              | 30         | 90        |              |
| 3                                 | Xây dựng đường bê tông giao thông nông thôn loại 2,5m        | 1.000m  | 755          | 329          |            |           | 426          |
| 4                                 | Xây dựng nhà   | toàn xã | 3000         |              |            |           | 3000         |
| 5                                 | Xây dựng hàng rào  | toàn xã | 350          |              |            |           | 350          |
| <b>TỔNG CỘNG ( I+II+III+IV+V)</b> |  |         | <b>60097</b> | <b>42697</b> | <b>516</b> | <b>90</b> | <b>16794</b> |

Tổng kinh phí xây dựng cơ bản năm 2010: 6.934 triệu đồng (vốn nhà nước 100%)

**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CƠ BẢN 5 NĂM 2016-2020**  
**XÃ HẢI DƯƠNG**

| Số<br>TT | Danh mục   | Quy mô           | Tổng kinh phí | Triệu đồng:  |              |                       |                   |
|----------|--|------------------|---------------|--------------|--------------|-----------------------|-------------------|
|          |  |                  |               | Nhà nước     | Ngân sách xã | Tổ chức phi chính phủ | Nhân dân đóng góp |
| I        | <b>Năm 2016</b>  |                  | <b>28080</b>  | <b>22439</b> | <b>1362</b>  | <b>0</b>              | <b>4279</b>       |
| 1        | Đê ngăn mặn phục vụ sản xuất                                       | 3,5 km           | 14000         | 14000        |              |                       |                   |
| 2        | Xây dựng mới trường Tiểu học Thái Dương                            | 04 phòng học     | 1600          | 1360         | 240          |                       |                   |
| 3        | Đường ra bến tắm cộng đồng 1+ Đường lâm sinh (bến tắm cộng đồng 2) | 600 m+1.700m     | 3300          | 2805         | 495          |                       |                   |
| 5        | Đường UBND xã (từ QL 49B cũ - Phá Tam Giang)                       | 350 m            | 270           | 230          | 40           |                       |                   |
| 6        | Quy hoạch khu nghĩa trang nhân dân tập trung xã                    | 10 ha            | 500           | 425          | 75           |                       |                   |
| 7        | Xây dựng mới khu nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã                     | 700m2            | 672           | 572          | 100          |                       |                   |
| 8        | Kênh mương thủy lợi  | 1.200 m          | 2400          | 2040         | 360          |                       |                   |
| 9        | Xây dựng sân bóng đá   | 1,5 ha           | 350           | 298          | 52           |                       |                   |
| 10       | Xây dựng nhà cửa   | Toàn xã          | 3000          |              |              |                       | 3000              |
| 11       | Xây dựng cổng, hàng rào  | Toàn xã          | 300           |              |              |                       | 300               |
| 12       | Xây dựng đường bê tông giao thông nông thôn 2,5m                   | 2.200m           | 1688          | 709          |              |                       | 979               |
| II       | <b>Năm 2017</b>  |                  | <b>9870</b>   | <b>5810</b>  | <b>760</b>   | <b>0</b>              | <b>3300</b>       |
| 1        | Xây dựng đê phá Tam Giang xóm Chợ                                  | 200 m            | 1000          | 1000         |              |                       |                   |
| 2        | Đê chống triều cường   | 700 m            | 1500          | 1350         | 150          |                       |                   |
| 3        | Xây dựng mới phòng học và phòng chức năng trường Mầm non Hải Dương | 6 phòng, 1.300m2 | 2700          | 2295         | 405          |                       |                   |
| 4        | Đê bìa Lạch Thiều  | 350 m            | 270           | 230          | 40           |                       |                   |
| 5        | Nhà văn hóa đa năng xã   | 500 chỗ          | 1100          | 935          | 165          |                       |                   |
| 6        | Xây dựng nhà cửa   | Toàn xã          | 3000          |              |              |                       | 3000              |
| 7        | Xây dựng cổng, hàng rào  | Toàn xã          | 300           |              |              |                       | 300               |
| III      | <b>Năm 2018</b>  |                  | <b>6770</b>   | <b>3310</b>  | <b>160</b>   | <b>0</b>              | <b>3300</b>       |
| 1        | Đê chùa  | 350 m            | 270           | 230          | 40           |                       |                   |
| 2        | Đê ông Cò  | 120 m            | 100           | 85           | 15           |                       |                   |
| 3        | Xây dựng mới nhà hiệu bộ (2 tầng) trường THCS                      | 6 phòng          | 2400          | 2400         |              |                       |                   |
| 4        | Quy hoạch làng nghề chế biến thủy sản TDH Nam                      | 2 ha             | 700           | 595          | 105          |                       |                   |
| 5        | Xây dựng nhà cửa   | Toàn xã          | 3000          |              |              |                       | 3000              |
| 6        | Xây dựng cổng, hàng rào  | Toàn xã          | 300           |              |              |                       | 300               |
| IV       | <b>Năm 2019</b>  |                  | <b>5300</b>   | <b>1700</b>  | <b>300</b>   | <b>0</b>              | <b>3300</b>       |
| 1        | Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm xã            | 2 ha             | 2000          | 1700         | 300          |                       |                   |
| 2        | Xây dựng nhà cửa   | Toàn xã          | 3000          |              |              |                       | 3000              |
| 3        | Xây dựng cổng, hàng rào  | Toàn xã          | 300           |              |              |                       | 300               |
| V        | <b>Năm 2020</b>  |                  | <b>11900</b>  | <b>8300</b>  | <b>300</b>   | <b>0</b>              | <b>3300</b>       |
| 1        | Nhà hiệu bộ trường TH Vĩnh Dương                                   | 4 phòng          | 1600          | 1600         |              |                       |                   |
| 2        | Xây dựng mới khu trung tâm thương mại dịch vụ đầu cầu Tam Giang xã | 2 ha             | 5000          | 5000         |              |                       |                   |
| 3        | Đường liên xã từ Cầu Tam Giang đến Khu định cư 2 và 3.             | 2.000 m          | 2000          | 1700         | 300          |                       |                   |
| 4        | Xây dựng nhà cửa   | Toàn xã          | 3000          |              |              |                       | 3000              |
| 5        | Xây dựng cổng, hàng rào  | Toàn xã          | 300           |              |              |                       | 300               |
|          | <b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)</b>                                   |                  | <b>61920</b>  | <b>41559</b> | <b>2882</b>  | <b>0</b>              | <b>17479</b>      |

**PHỤ LỤC**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG**  
**NHIỆM KỲ 2010 – 2015**

| STT  | ĐƠN VỊ               | Năm<br>2010 | Năm 2011 | Năm<br>2012 | Năm<br>2013 | Năm<br>2014 | Dự ước<br>2015 | Ghi chú   |
|--|----------------------|-------------|----------|-------------|-------------|-------------|----------------|---|
| (1)  | (2)                  | (3)         | (4)      | (5)         | (6)         | (8)         | (9)            | (10)  |
| <b>I. XẾP LOẠI CỦA CÁC CHI BỘ TRỰC THUỘC</b> |                      |             |          |             |             |             |                |   |
| 01   | Chi bộ Vĩnh Trị      | TSVM        | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           |   |
| 02   | Chi bộ TDT Đông      |             | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           | Năm 2010 Chi bộ TDT chưa tách TDT Đông và TDT Tây           |
| 03   | Chi bộ TDT Tây       | TSVM        | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           |   |
| 04   | Chi bộ TDH Bắc       |             | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           | Năm 2010 Chi bộ TDH chưa tách TDH Bắc, TDH Trung và TDH Nam |
| 05   | Chi bộ TDH Trung     | TSVM        | TSVM     | TSVM        | TSVM        | HTTNV       | TSVM           |   |
| 06   | Chi bộ TDH Nam       | TSVM        | TSVM     | TSVM        | TSVM        | HTTNV       | TSVM           |   |
| 07   | Chi bộ TH Vĩnh Dương | TSVM        | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           |   |
| 08   | Chi bộ TH Thái Dương | TSVM        | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           |   |
| 09   | Chi bộ THCS          |             | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           | Năm 2010, 2011 Chi bộ THCS chưa tách ra Chi bộ Y tế và THCS |
| 10   | Chi bộ Y tế          | TSVM        | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           |   |
| 11   | Chi bộ Mầm non       | TSVM        | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           |   |
| 12   | Chi bộ Quân sự       |             | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           | Năm 2010, 2011 Chi bộ Quân sự - Công an chưa tách.          |
| 13   | Chi bộ Công an       | TSVM        | TSVM     | TSVM        | TSVM        | TSVM        | TSVM           |   |

**II. XẾP LOẠI CỦA CÁC TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

| STT | ĐƠN VỊ             | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Dự ước 2015 | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|----------|----------|----------|----------|-------------|---------|
| 01  | HĐND               | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM        |         |
| 02  | UBND               | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM        |         |
| 03  | UBMT               | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM        |         |
| 04  | Hội Nông dân       | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | Khá      | TSVM        |         |
| 05  | Hội LHPN           | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | Khá      | TSVM        |         |
| 06  | Hội Cựu chiến binh | Khá      | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM        |         |
| 07  | Đoàn thanh niên    | Khá      | Khá      | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM        |         |
| 08  | Công đoàn          | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM     | TSVM        |         |
|     | Đảng bộ            | HTTNV    | HTTNV    | TSVM     | TSVM     | HTTNV    | TSVM        |         |

**III. VỀ KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN MỚI**

|    |                      |        |        |        |        |        |        |  |
|----|----------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--|
| 01 | Chi bộ Vĩnh Trị      |        | 01 đ/c | 01 đ/c | 01 đ/c |        |        |  |
| 02 | Chi bộ TDT Đông      | 01 đ/c |        |        |        | 01 đ/c | 01 đ/c |  |
| 03 | Chi bộ TDT Tây       |        |        |        |        | 01 đ/c |        |  |
| 04 | Chi bộ TDH Bắc       | 02 đ/c | 01 đ/c | 01 đ/c | 01 đ/c |        |        |  |
| 05 | Chi bộ TDH Trung     |        |        |        |        |        | 01 đ/c |  |
| 06 | Chi bộ TDH Nam       |        |        |        | 01 đ/c |        |        |  |
| 07 | Chi bộ TH Vĩnh Dương |        | 02 đ/c | 03 đ/c |        | 01 đ/c | 01 đ/c |  |
| 08 | Chi bộ TH Thái Dương | 01 đ/c | 02 đ/c | 01 đ/c | 02 đ/c | 01 đ/c | 02 đ/c |  |
| 09 | Chi bộ THCS          | 02 đ/c | 01 đ/c | 03 đ/c | 03 đ/c | 02 đ/c | 02 đ/c |  |
| 10 | Chi bộ Y tế          |        |        |        |        | 01 đ/c | 01 đ/c |  |

|    |                |        |        |        |        |        |        |  |
|----|----------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--|
| 11 | Chi bộ Mầm non |        | 01 đ/c |        | 02 đ/c | 01 đ/c | 01 đ/c |  |
| 12 | Chi bộ Quân sự |        |        |        |        |        |        |  |
| 13 | Chi bộ Công an |        |        |        |        |        |        |  |
|    | <b>Đảng bộ</b> | 06 đ/c | 08 đ/c | 09 đ/c | 10 đ/c | 08 đ/c | 09 đ/c |  |

#### IV. ĐẢNG VIÊN

| STT | ĐƠN VỊ                                     | Năm 2010          | Năm 2011          | Năm 2012          | Năm 2013          | Năm 2014           | Dự ước 2015 | Ghi chú |
|-----|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|--------------------|-------------|---------|
|     | - Tổng số                                  | 64 đ/c            | 73 đ/c            | 81 đ/c            | 86 đ/c            | 93 đ/c             | 103 đ/c     |         |
|     | + Trong đó: Nữ                             | 11 đ/c            | 18 đ/c            | 22 đ/c            | 24 đ/c            | 26 đ/c             | 30 đ/c      |         |
|     | + Tỷ lệ đảng viên còn sinh hoạt đoàn       | 35,6%             | 37%               | 36%               | 41,8              | 44,6%              | 50 %        |         |
|     | + Tỷ lệ đảng viên trong công an viên       | 100%              | 100%              | 100%              | 100%              | 83,3%              | 100%        |         |
|     | + Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân | 29,06%            | 27,1%             | 29,4%             | 29,6%             | 31,6%              | 35 %        |         |
|     | + Tỷ lệ đảng viên trong các trường học     | 32,8%             | 35,6%             | 38,2%             | 40,7%             | 41,5%              | 50 %        |         |
|     | - Kết quả phân tích chất lượng đảng viên   |                   |                   |                   |                   |                    |             |         |
|     | + Đảng viên miễn sinh hoạt                 | 04 đ/c            | 05 đ/c            | 04 đ/c            | 04 đ/c            | 04 đ/c             |             |         |
|     | + Đảng viên đã đánh giá                    | 60 đ/c<br>(100%)  | 68 đ/c<br>(100%)  | 77 đ/c<br>(100%)  | 82 đ/c<br>(100%)  | 89 đ/c<br>(100%)   |             |         |
|     | + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ             | 08 đ/c<br>(13,3%) | 10 đ/c<br>(14,7%) | 11 đ/c<br>(14,2%) | 12 đ/c<br>(14,6%) | 11 đ/c<br>(12,35%) |             |         |

|  |                           |                   |                   |                   |                   |                    |  |  |
|--|---------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|--------------------|--|--|
|  | + Hoàn thành tốt nhiệm vụ | 47 đ/c<br>(78,3%) | 57 đ/c<br>(83,8%) | 65 đ/c<br>(85,7%) | 69 đ/c<br>(84,1%) | 75 đ/c<br>(84,26%) |  |  |
|  | + Hoàn thành nhiệm vụ     | 05 đ/c<br>(8,3%)  | 01 đ/c<br>(1,5%)  | 0 đ/c             | 01 đ/c<br>(1,2%)  | 03 đ/c<br>(3,37%)  |  |  |
|  | + Vi phạm tư cách         | 0 đ/c              |  |  |

#### V. TRÌNH ĐỘ BAN CHẤP HÀNH

| STT                           | ĐƠN VỊ                       | Năm 2010          | Năm 2011          | Năm 2012          | Năm 2013          | Năm 2014          | Dự ước 2015 | Ghi chú |
|-------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------|---------|
|                               | - Tổng số                    | 11 đ/c            |             |         |
|                               | - Trong đó: Nữ               | 01 đ/c<br>(9,1%)  |             |         |
|                               | - Tốt nghiệp THPT            | 10 đ/c<br>(90,9%) | 11 đ/c<br>(100%)  | 11 đ/c<br>(100%)  | 11 đ/c<br>(100%)  | 11 đ/c<br>(100%)  |             |         |
|                               | - Trình độ lý luận chính trị |                   |                   |                   |                   |                   |             |         |
|                               | + Sơ cấp                     | 01 đ/c<br>(9,1%)  |             |         |
|                               | + Trung cấp                  | 07 đ/c<br>(63,6%) | 09 đ/c<br>(81,1%) | 09 đ/c<br>(81,1%) | 10 đ/c<br>(90,9%) | 10 đ/c<br>(90,9%) |             |         |
|                               | - Trình độ chuyên môn        |                   |                   |                   |                   |                   |             |         |
|                               | + Trung cấp                  | 05 đ/c            | 07 đ/c            | 07 đ/c            | 08 đ/c            | 08 đ/c            |             |         |
|                               | + Cao đẳng, đại học          | 03 đ/c            |             |         |
| VI. TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ CÔNG CHỨC |                              |                   |                   |                   |                   |                   |             |         |
|                               | - Tổng số                    | 18 đ/c            | 18 đ/c            | 19 đ/c            | 20 đ/c            | 23 đ/c            |             |         |

|                               |                  |        |        |        |        |  |  |  |
|-------------------------------|------------------|--------|--------|--------|--------|--|--|--|
|                               | <b>- Học vấn</b> |        |        |        |        |  |  |  |
| + Tốt nghiệp THCS             | 03 đ/c           | 02 đ/c | 02 đ/c | 01 đ/c | 01 đ/c |  |  |  |
| + Tốt nghiệp THPT             | 15 đ/c           | 16 đ/c | 17 đ/c | 19 đ/c | 22 đ/c |  |  |  |
| <b>- Lý luận chính trị</b>    |                  |        |        |        |        |  |  |  |
| + Trung cấp                   | 07 đ/c           | 09 đ/c | 11 đ/c | 13 đ/c | 14 đ/c |  |  |  |
| <b>- Chuyên môn nghiệp vụ</b> |                  |        |        |        |        |  |  |  |
| + Trung cấp                   | 09 đ/c           | 11 đ/c | 13 đ/c | 15 đ/c | 16 đ/c |  |  |  |
| + Cao đẳng, đại học           | 02 đ/c           | 02 đ/c | 02 đ/c | 03 đ/c | 06 đ/c |  |  |  |